

HỒ CHÍ MINH VỚI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PHẠM ĐÌNH LIÊN^(*)

1. Ảnh hưởng của Phật giáo đến Hồ Chí Minh

Phật giáo với tư cách là một triết thuyết về giải phóng, đề cao đức từ bi, hi xả, vô ngã vị tha; cứu khổ, cứu nạn,... khi truyền đến Việt Nam đã sớm được chấp nhận và trở thành một tôn giáo truyền thống của dân tộc, in đậm trong mỗi con người Việt Nam. Từ thừa thiếu thời, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận ảnh hưởng sâu đậm những tư tưởng cao đẹp của Phật giáo ngay trong gia đình của mình. Trước hết, ảnh hưởng đó bắt đầu từ bà ngoại của Người - Cụ Nguyễn Thị Kép. Tương truyền, lúc còn trẻ, Cụ Nguyễn Thị Kép là một người con gái đẹp, nết na, có tài ca hát. Cụ thường tham dự những buổi lễ hội và sinh hoạt văn hóa dân gian tổ chức ở các đình, chùa quê hương. Lúc về già, Cụ rất hâm mộ đạo Phật và thường xuyên đến thăm viếng, dâng hương hoa ở các chùa chiền. Tư tưởng mộ Phật và tình cảm của Cụ đối với Phật giáo đã để lại một dấu ấn trong nhận thức và tình cảm của Hồ Chí Minh ngay từ những tháng năm thơ ấu. Hồ Chí Minh còn tiếp thu những ảnh hưởng của Phật giáo thông qua Cụ thân sinh Nguyễn Sinh Sắc. Kiến thức của Cụ Nguyễn Sinh Sắc uyên thâm, nhưng con đường khoa bảng lại lận đận, trắc trở. Sau này, khi đã đỗ Phó bảng, làm quan

cho triều đình Huế, Cụ vẫn giữ nguyên phẩm chất và nhân cách một nhà Nho yêu nước chân chính. Nhận thức, suy ngẫm, tổng kết kinh nghiệm trường đời, Cụ Nguyễn Sinh Sắc ngày càng thấm nhuần triết lý đạo Phật. Cụ ghét sự giả dối, tham ô, hà lạm của đám quan trường trong triều đình Huế và nhân tình thế thái đương thời. Cụ thường lui tới các chùa để đàm đạo, bình luận thế sự với các vị cao tăng và các nhà Nho yêu nước. Tại xã Tân Khánh Đông (Sa Đéc) hiện còn lưu giữ những bảng kinh bằng chữ Hán do chính tay Cụ Phó bảng đọc, ghi chú và hình ảnh những ngôi chùa nơi Cụ đã có những thời gian lưu trú. Đặc biệt, ở chùa Kim Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang có hai câu đối của Cụ Nguyễn Sinh Sắc tặng chùa năm 1922:

Đại đạo quảng khai thỏ giác khiêu đàm để nguyệt,
Thiên cơ giáo dưỡng quy mao phước thụ đầu phong

Tạm dịch:

Đạo cả mở toang, sừng thỏ khiêu trăng đáy nước

Cỏ thiền nuôi dạy, lông rùa buộc gió đầu cây⁽¹⁾.

*. ThS., Thích Thanh Liên, Tỉnh hội Phật giáo, Tỉnh Bắc Ninh.

1. Hoà thượng Thích Thiện Siêu. *Báo Giác ngộ*, (445), ngày 1-9, 1990, tr. 12-13.

Phải có sự thông hiểu giáo lý đạo Phật, thấu rõ lý duyên sinh, Cụ Phó bảng mới có thể sáng tác được hai câu đối trên. Với tình cảm đặc biệt dành cho Phật giáo, Cụ Nguyễn Sinh Sắc đã từng là cố vấn cho Hòa thượng Khánh Hòa gây dựng tổ chức Phật giáo Việt Nam những năm đầu của thế kỉ XX: “Cụ Nguyễn Sinh Sắc đã gợi ý sáng tỏ cho sư Cụ Khánh Hoà là phải tổ chức, có tổ chức mới có cơ sở để làm việc, để tạo thế mạnh và hoằng đạo, phải tổ chức thành Hội Phật giáo. Bấy lâu Cụ Khánh Hòa có ý đó, giờ đây được Cụ Sắc làm sáng tỏ hẳn lên và Cụ Sắc trở thành một lý thuyết gia của Cụ Khánh Hòa”⁽²⁾.

Lòng yêu nước thương dân và triết lý từ bi thấm nhuần từ đạo Phật của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã có ảnh hưởng nhất định đến người con - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tìm hiểu thân thế Chủ tịch Hồ Chí Minh, liên hệ với lịch sử Phật giáo sẽ thấy có nhiều điểm trùng hợp đến lạ lùng. Cách đây hơn 2.000 năm, biểu tượng của Phật giáo là bông sen, tượng trưng cho sự vươn lên đến siêu thoát. Triết lý nhân sinh trong biểu tượng bông sen là: Tự mình, từ một ngó sen, xuyên qua lớp bùn đen ô trược, qua nghiệp quả, qua khỏi ngũ âm ma, xé toang làn nước ô nhiễm tha hóa của tham, sân, si, để vượt lên tiếp thụ khí trời thanh bạch, tỏa hương thơm cho đời. Biểu tượng bông sen phản ánh giáo lý của đạo Phật là: Đại hùng - Đại lực - Đại từ - Đại bi, Vô ngã - Vị tha, là Tinh tiến, Thiền định, Giác ngộ, Giải thoát.

Kinh điển Phật giáo Đại thừa nói rằng: Đức Phật khi sơ sinh đã bước trên bảy bông sen. Quả là một sự trùng hợp lí thú, khi chính quê hương Làng Sen cũng đã sinh dưỡng một danh nhân thế giới - Hồ Chí Minh. Hơn nữa, Đức Phật khánh đản vào rằm tháng Tư âm lịch, thì Hồ Chí Minh cũng được sinh ra sau rằm tháng Tư mấy

ngày. Khi Đức Phật sinh ra, xã hội đầy rẫy khổ đau của chúng sinh, với sự phân biệt đẳng cấp khắc nghiệt. Ngài đã từ bỏ ngai vàng, điện ngọc, một mình đi tìm chân lý diệt trừ khổ đau cho chúng sinh. Hồ Chí Minh cũng đã sinh ra trong một xã hội đầy bất công, một xã hội chất nặng áp bức, bóc lột với nô lệ lầm than. Hồ Chí Minh đã vượt qua tư tưởng Nho giáo, tự mình với hành trang tinh thần dân tộc đi tìm “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” cho những người nô lệ, để giải phóng dân tộc, xây dựng nên Tổ quốc Việt Nam hoàn toàn độc lập, tự do.

Hồ Chí Minh đã đi từ nền tảng của chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, coi đó là kim chỉ nam để cuối cùng đi đến mục đích: Tự do - Bình đẳng - Bác ái, cũng giống như Phật giáo, cuộc sống của một người Phật tử có ba phần: Tín - Hành - Nguyện. Có thể nói, lòng yêu nước thương dân là nhân bản, là cái gốc cho mọi tiến trình phát triển tinh thần dân tộc - lòng yêu nước Hồ Chí Minh. Từ thuở thiếu thời, những lời dạy thấm đượm màu sắc đạo Phật của Cụ thân sinh đã thấm vào tâm hồn Hồ Chí Minh:

Nhân sinh nhược đại mộng

Thế sự như phù vân

Uy thế bất túc thị

Xảo hiểm đồ tự hại

2. Phùng Hữu Phú, Thích Minh Trí. *Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam (1945-1969)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 16.

Giới chí! Giới chí!

Tạm dịch:

Đời người như giấc mộng lớn

Việc đời tựa đám mây trôi

Uy thế không đủ để dựa

Xảo hiểm là tự hại mình

Rắn đấy! Rắn đấy!⁽³⁾

Từ những lời giáo huấn, từ tấm gương của người cha, của gia đình, Người đã bước chân ra đi để nhập cuộc (hay nhập thế) để khẳng định tâm (bì) của mình. Bởi “bì” là thương xót cho những chúng sinh khổ nạn, dấn thân vào cuộc hành trình tìm chân lí “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.

Trên bước đường cứu nước, có những lúc Hồ Chí Minh đã từng làm một nhà tu hành. Khi hoạt động bí mật ở Thái Lan, Người sống một cuộc sống giản dị và kham khổ. Người cũng đã nghiên cứu giáo lí đạo Phật và sống một cuộc sống của một người tu hành. Theo lời của nghị sĩ Quốc hội Thái Lan Siphanomvishitvarason kể lại: “Bác Hồ là vĩ nhân văn hóa. Năm 1927, khi sang Thái Lan, Bác đã xây dựng chùa thờ Phật to nhất, đó là chùa Phothixamphon ở tỉnh Udon - đông bắc Thái Lan. Bác là người đứng ra chủ trì xây dựng, vận động Việt kiều góp sức, góp của để xây dựng chùa thờ Phật cho hoàn thiện. Bác đến đâu cũng giúp ích cho nơi đó”⁽⁴⁾. Cũng trong thời gian này, với sự giúp đỡ của Hòa thượng Thích Bình Lương, chùa Lôkalukho ở Băng Cốc trở thành cơ sở hoạt động của Hồ Chí Minh.

Chính chân lí của đạo Phật có lẽ đã giúp Người vượt qua khỏi cái Tự Ngã, không chỉ là tình thương cho dân tộc mà trái rộng tình yêu thương cho toàn nhân loại. Có lẽ một phần trên cái nền nhân bản vững chắc đó, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa cộng sản, với

mục đích là đưa những người nô lệ vượt qua gông cùm, xiềng xích tới bờ “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, để nhân dân không còn lầm than với cuộc đời nô lệ, và mọi người sống chan hòa, bình đẳng, tương thân tương ái với nhau. Người đã trang bị cho mình đầy đủ Tín - Hành - Nguyện, hay nói một cách khác, là lí tưởng, phương tiện và mục đích. Với lí tưởng “cứu khổ”, “cứu nạn” với lòng “từ bi hỉ xả”, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, đưa dân tộc Việt Nam đến độc lập, tự do.

2. Hồ Chí Minh với chức sắc và tín đồ Phật giáo Việt Nam

Với chức sắc Phật giáo: Hơn ai hết, Người hiểu đúng nghĩa “Tăng già” trong nhà Phật, bởi “Tăng già” là sự hòa hợp. “Tăng già” chính là mạch máu để lưu thông giáo lí của Đức Phật, nên hòa hợp hay đoàn kết chính là vậy. Nói cách khác, Hồ Chí Minh hiểu rất rõ vai trò to lớn của các vị chức sắc, cao tăng của Phật giáo trong việc tập hợp, đoàn kết đồng bào Phật tử nhằm mục tiêu đấu tranh giành độc lập dân tộc và tự do cho Phật giáo.

Khi xâm lược Việt Nam, các thế lực đế quốc đều tìm mọi thủ đoạn lợi dụng các tôn giáo, trước hết là hàng ngũ chức sắc, trong đó có các chức sắc Phật giáo hòng biến các tôn giáo Việt Nam thành lực lượng đối lập với dân tộc, chống lại cách mạng. Thực dân Pháp đã thực hiện mưu đồ chia rẽ Phật giáo và lôi kéo Phật tử

3. Thơ khắc trên bia gỗ, hiện còn ở nhà thờ họ Nguyễn Sinh, Nam Đàn, Nghệ An.

4. Trần Bạch Đằng. *Về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1/1999.

bằng mọi thủ đoạn tinh vi, sử dụng những tên tay sai trung thành đứng ra thành lập nhiều tổ chức Phật giáo để chống lại cách mạng.

Chính vì vậy, ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã chủ động gặp gỡ đại biểu các tôn giáo để tranh thủ sự ủng hộ của họ đối với nền độc lập dân tộc. Trong buổi tiếp đại biểu các tôn giáo (Công giáo, Phật giáo, đạo Cao Đài), ngày 13-9-1945, Người nhấn mạnh: “Lúc này chỉ có quốc gia mà không phân biệt tôn giáo nữa, mỗi người đều là công dân của nước Việt Nam và có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc”⁽⁵⁾. Ngày 5-1-1946, Hồ Chủ tịch đến chùa Bà Đá - một ngôi chùa giữa Thủ đô Hà Nội dự Tuần lễ mừng Liên hiệp Quốc gia ra mắt. Các chức sắc và tín đồ Phật tử trong tổ chức Phật giáo Cứu quốc đã tổ chức những nghi lễ này để hoan nghênh khối đại đoàn kết giữa các đảng phái và Mặt trận Việt Minh.

Sau đó, Người dự bữa cơm chay tại chùa Quán Sứ với các tăng ni. Đàm đạo với Hòa thượng chủ trì và tăng ni, Phật tử, Người căn dặn: “Việc Phật không xa rời thế gian, phải tham gia vào công việc của cách mạng, cứu đói, diệt dốt”⁽⁶⁾.

Để tạo điều kiện giúp giới tăng ni, Phật tử tham gia phong trào yêu nước một cách thiết thực hơn, ngày 15-3-1946, Hồ Chủ tịch ký quyết định thành lập Việt Nam Phật giáo Hội, trụ sở tại 73 phố Quán Sứ. Người không bỏ lỡ cơ hội nào đi thăm các nơi thờ tự, các vị chức sắc tôn giáo. Tại Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã tới thăm chùa Quán Sứ, gặp các vị cao tăng, như Hòa thượng Tố Liên, Hòa thượng Thanh Hỷ, Hòa thượng Võ Thịnh. Người khẳng định: “Nhà nước chúng tôi luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng. Phật giáo Việt Nam với dân tộc như bóng với hình, tuy hai mà một. Tôi mong các Hòa thượng, tăng ni và Phật tử, hãy tích cực thực hiện tinh thần từ bi, hi xả, vô ngã, vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ

đạo, để cùng toàn dân sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc”⁽⁷⁾.

Trước tấm lòng cao cả của Hồ Chí Minh, nhiều vị cao tăng trong giới Phật giáo cũng ra sức ủng hộ cách mạng và dành cho Người những tình cảm đặc biệt. Hòa Thượng Tuệ Tạng - Thượng thủ tăng già toàn quốc (trụ trì chùa Vọng Cung, Nam Định) đã có cuộc gặp gỡ và chụp ảnh lưu niệm cùng Người trong dịp tiếp kiến các vị đứng đầu các tôn giáo tại Phủ Chủ tịch. Hòa thượng Thích Thanh Chân, trụ trì Chùa Hương và Chứng minh Đạo sư Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam đã ra Hà Nội để cùng phái đoàn Phật giáo vào chúc thọ và mừng Hồ Chủ tịch ngay sau những ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

Tuy nhiên, cũng như thực dân Pháp, đế quốc Mỹ luôn tìm cách lôi kéo các chức sắc tôn giáo trong đó có Phật giáo chống lại cách mạng nước ta.

Khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Mỹ đã tìm cách đưa hàng triệu tín đồ đồng bào Công giáo di cư vào Nam để làm chỗ dựa chính trị, quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Đồng thời, chúng cũng đưa vào Miền Nam hàng chục vạn tín đồ Phật giáo. Như vậy, ý đồ chiến lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm xây dựng, củng cố

5. Hồ Chí Minh. *Biên niên Tiểu sử*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 15.

6. *Tập Văn “Vũ Lan”*, Ban Văn hoá Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, (18), tháng 8/1990, tr. 32.

7. Thượng Tọa Thích Đức Nghiệp. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam*, Nội san đặc biệt, Phân viện Nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tháng 1/1991, tr. 29.

cổ tổ chức tôn giáo do chúng dựng lên, đưa bọn tay sai vào nắm quyền lãnh đạo và thao túng các tổ chức này để lừa gạt tín đồ, gây chia rẽ tôn giáo, phá hoại khối đoàn kết dân tộc một cách có hệ thống, tinh vi và xảo quyệt.

Trước âm mưu thâm độc của địch, Hồ Chí Minh thường xuyên kêu gọi giới tăng ni, Phật tử đoàn kết kháng chiến giành độc lập cho dân tộc, chống mắc mưu chúng mà đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc. Trong khi đánh giá cao tinh thần từ bi hỉ xả, vô ngã vị tha, cứu khổ chúng sinh của Phật giáo, Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi mọi người, kể cả tăng ni, Phật tử phải sẵn sàng đứng lên đấu tranh chống lại kẻ thù của dân tộc. Chính vì vậy, khi viết bài tố cáo tội ác dã man của Mỹ - Diệm đàn áp Phật giáo và ca ngợi tinh thần quả cảm hi sinh của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Từ bi không phải là nhu nhược. Mỹ - Diệm càng hung ác, các vị sư sãi và đồng bào theo đạo Phật càng kiên quyết đấu tranh. Ngọn đuốc tự đốt mình của Hòa thượng Thích Quảng Đức đang góp phần vào đám lửa đốt cháy cơ đồ phát xít của Mỹ - Diệm. Khắp miền Nam, khắp cả nước và khắp thế giới đều khâm phục sự hi sinh cao cả vì nước, vì đạo của Hòa thượng Thích Quảng Đức”⁽⁸⁾.

Kết thúc bài báo, Người khẳng định vai trò Phật giáo trong cộng đồng dân tộc, trong cuộc đấu tranh cho Độc lập - Tự do - Hòa bình: “Dân tộc có độc lập thì tôn giáo mới được tự do. Đó là chân lí bất di bất dịch, toàn thể nhân dân đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam, kiên quyết chiến đấu đánh đổ ách thống trị hung ác của Mỹ - Diệm. Như vậy thì nhất định Miền Nam sẽ được giải phóng, tín ngưỡng sẽ được tự do”⁽⁹⁾.

Không phải quan tâm đến Phật giáo một cách chung chung, mà Hồ Chí Minh đã

thường xuyên quan tâm đến những việc làm bình thường, giản dị nhất của các nhà tu hành, đến từng con người. Năm 1961, khi đọc báo biết tin một ni cô đã ủng hộ Miền Nam 20 kg đậu, Người cho đi xác minh và tặng ni cô huy hiệu của Người. Các bản tin trên báo nói về phong trào đấu tranh của Phật giáo Miền Nam, về những tấm gương tử vì đạo, vì Tổ quốc đều được Người lưu giữ lại.

Tháng 10-1963, được tin Hòa thượng Thích Thiện Hào, đại diện những người Phật giáo yêu nước Miền Nam Việt Nam đi dự hội nghị Phật giáo thế giới (gồm 11 nước và khu vực Châu Á) ở Bắc Kinh trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ân cần đón tiếp, thăm hỏi sức khỏe Hòa thượng và phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo Miền Nam. Cuộc gặp gỡ ân tình ở Phủ Chủ tịch để lại một ấn tượng sâu đậm trong tâm khảm vị Hòa thượng yêu nước và giới tăng ni, Phật tử Miền Nam⁽¹⁰⁾.

Ngày 28-9-1964 khai mạc Đại hội Phật giáo lần thứ III của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh bận không đến dự được, Người viết thư chúc mừng Đại hội. Bức thư đã được trao tận tay Hòa thượng Thích Trí Độ tại buổi khai mạc Đại hội. Trong thư, Người đánh

8. Phùng Hữu Phú, Thích Minh Trí. *Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam (1945-1969)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 21.

9. Phùng Hữu Phú, Thích Minh Trí. *Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam (1945-1969)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 21-22.

10. *Miền Nam trong lòng Bác*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 1995, tr. 83-84.

giá cao công lao của giới tăng ni, Phật tử trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc: “Các vị tăng ni và tín đồ Phật giáo trước đây đã có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng Miền Bắc giàu mạnh và thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà” và Người kêu gọi: “Toàn thể tăng ni và đồng bào Phật giáo góp phần xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”⁽¹¹⁾.

Hồ Chí Minh luôn có một tinh thần trọng thị đối với các chức sắc Phật giáo, bởi hơn ai hết Người hiểu rõ rằng bằng uy tín của họ sẽ tập hợp được đông đảo tín đồ Phật tử đoàn kết đấu tranh cho độc lập của Tổ quốc và cho Phật giáo được phát triển tự do.

Với tín đồ Phật giáo. Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng vai trò lịch sử của Phật giáo, nhất là của đông đảo quần chúng tín đồ Phật tử trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người còn hiểu rõ tầm quan trọng của nền văn hóa Việt Nam mà trong đó có sự đóng góp của văn hóa Phật giáo.

Theo quan niệm của Hồ Chủ tịch, đối với người tín hữu, đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không có gì mâu thuẫn. Một người có thể vừa là công dân tốt vừa là tín đồ chân chính. Là công dân thì có Tổ quốc, là tín đồ thì có Đức Chúa, Đức Phật và các Đấng tối cao khác mà mỗi tôn giáo có một cách gọi khác nhau. Một người có thể đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc, quê hương và làm tròn bổn phận đối với các Đấng tối cao mà mình tôn thờ. Thật khó thấy người nào biết kết hợp công tác chính trị cách mạng với nghi lễ tôn giáo chân chính để cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân như Hồ Chủ tịch.

Người luôn quan tâm đến đời sống vật chất cũng như đời sống tâm linh tôn giáo của đồng bào có đạo. Ngày 18-2-1946, Hồ Chủ tịch kí Sắc lệnh của Chính phủ Lâm thời Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa ấn định những ngày lễ, tết, ngày kỉ niệm lịch sử và ngày lễ của các tôn giáo. Điều 1 ghi nhận những ngày lễ tết, kỉ niệm lịch sử và lễ tôn giáo ấn định trong một phụ bản kèm theo sắc lệnh được coi là những ngày lễ chính thức của cả nước. Những ngày lễ tôn giáo bao gồm: Sinh nhật Đức Thích Ca, lễ Trung Nguyên, lễ Đức Phật thành đạo, lễ Phục Sinh, lễ Các Thánh, lễ Thiên Chúa giáng sinh⁽¹²⁾. Khi ban hành và cho công bố Sắc lệnh này, Hồ Chủ tịch có ý thức rất sâu sắc trong việc gắn các sự kiện lớn trong lịch sử tôn giáo với những sự kiện quan trọng trong lịch sử dân tộc. Vào năm 1946, việc coi ngày lễ tôn giáo cũng như các ngày lễ dân tộc là một việc làm hợp lí và hợp lòng dân. Hồ Chủ tịch trân trọng và thường vận dụng các nghi lễ đó nhằm mục đích làm cho người dân biết trân trọng ngưỡng mộ những giá trị thiêng liêng của tổ tiên, truyền thống, đất nước, tình đoàn kết.

Đối với đồng bào có đạo nói chung, đồng bào Phật giáo nói riêng, Người luôn khẳng định chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước về việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng của nhân dân. Trong thư gửi Hội Phật tử Việt Nam ngày 30-8-1947, Hồ Chí Minh khẳng định: “Từ ngày nước ta trở nên Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật

11. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 315.

12. Phùng Hữu Phú, Thích Minh Trí. *Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam (1945-1969)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 24.

giáo cũng phát triển một cách thuận tiện. Thế là: nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang”⁽¹³⁾.

Người cho rằng cũng như quần chúng nhân dân khác, khi đất nước bị bọn ngoại bang đầy xéo thì đồng bào Phật giáo cũng bị bọn thực dân đế quốc đàn áp, bóc lột: “Bọn thực dân muốn cướp nước ta. Chúng đốt chùa chiền, phá tượng Phật, hành hạ tăng ni, tàn sát đạo hữu. Chúng hòng phá tan đạo Phật”⁽¹⁴⁾. Người ca ngợi đức từ bi, cứu khổ cứu nạn của Đức Phật để kêu gọi đồng bào Phật tử học tập tinh thần của Phật Thích Ca đoàn kết kháng chiến cứu nước, cứu đạo: “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn Người phải hi sinh đầu tranh, diệt lũ ác ma”⁽¹⁵⁾. Vì vậy, “Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hi sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ”⁽¹⁶⁾.

Đánh giá đúng vị trí, vai trò của từng tôn giáo trong Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cũng như Cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người đã nhìn thấy khả năng to lớn của các tăng ni Phật tử trong kháng chiến cứu nước: “Trong cuộc kháng chiến cứu nước, đồng bào Phật giáo đã làm được nhiều, tôi cảm ơn đồng bào và mong đồng bào cố gắng thêm, cố gắng mãi cho đến ngày trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi và độc lập thành công...”⁽¹⁷⁾.

Hòa bình lập lại ở Miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn đối với đời sống của đồng bào Phật giáo. Ngày 10-12-1956 trong Hội nghị Phật giáo Thủ đô nghiên cứu Nghị quyết của Chính phủ về chính sách sửa sai, gần 100 đại biểu tăng ni, tín đồ đã hoan nghênh tinh thần tự phê bình

của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Hội nghị đã thảo luận sôi nổi góp nhiều ý kiến bổ sung cho công tác sửa chữa sai lầm trong việc thực hiện chính sách tôn giáo.

Ngày 8-1-1957, trong thư gửi các vị tăng ni và đồng bào tín đồ Phật giáo nhân dịp lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, Hồ Chủ tịch đã gửi lời khen ngợi các tăng ni và tín đồ đã “sẵn lòng nồng nàn yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là Phật tử”⁽¹⁸⁾. Người tiếp tục khẳng định chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: “Từ ngày hòa bình được lập lại, Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, việc củng cố tuy gặp khó khăn nhưng đã đạt được nhiều thành tích. Trong cái cách ruộng đất tuy những nơi đã phạm sai lầm trong việc thực hiện chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng Đảng và Chính phủ đã có chính sách kiên quyết sửa chữa. Hiện nay giai cấp phong kiến địa chủ đã bị đánh đổ, ruộng đất đã về tay nông dân và nông dân đã thực sự làm chủ nông thôn, điều đó là một thắng lợi căn bản trong công cuộc củng cố Miền Bắc. Đời sống của nhân dân ta dần dần càng

13. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 197.

14. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 197.

15. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 197.

16. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 197.

17. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 197.

18. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 290.

được cải thiện, cũng giống như tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm⁽¹⁹⁾.

Ngày 19-5-1958, vào dịp kỉ niệm lần thứ 68 ngày sinh của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Chùa Hương. Trong những giây phút thanh thản giữa chốn thiên nhiên hùng vĩ phảng phất hương thiền, Người nói: “Chùa Hương là một nơi cảnh đẹp được thiên nhiên ưu đãi, cần được bảo vệ và mở mang quy hoạch lại, phải trồng cây cối cho đẹp để bà con trong nước và khách nước ngoài đến đây văn cảnh”⁽²⁰⁾. Người đã chỉ thị cho chính quyền địa phương, Bến Đức, làng Yên Vĩ, phải sửa lại những con thuyền, làm thêm cầu phao và đắp một đường mới, để du khách và các tăng ni, Phật tử đi lại, chiêm bái, được tự do, an toàn⁽²¹⁾.

Ngày 28-9-1964, Hội nghị đại biểu Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam họp tại Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã gửi thư thăm hỏi đồng bào Phật tử và kêu gọi Phật tử: “Chúng ta tỏ lòng đoàn kết với đồng bào Phật giáo ở Miền Nam đang hăng hái tham gia cuộc đấu tranh yêu nước và chống Mỹ xâm lăng. Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: “Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha” (đem lại lợi ích và vui sướng cho mọi người, quên mình vì người khác)⁽²²⁾.

Người không đồng tình với những hành vi của cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách tự do tín ngưỡng. Điều này không chỉ thể hiện trên các văn bản như trong *Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*: “Bảo vệ chùa, nhà thờ, trường học”. Hay trong *12 điều răn*: “Không nên xúc phạm đến tín ngưỡng, phong tục của dân” mà Người còn phê bình, nhắc nhở các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ về việc không được vi phạm đến nơi thờ tự, đến niềm tin tôn giáo của nhân dân.

Người cũng không đồng tình với những hành vi mê tín. Trong cuốn sách *Đời sống mới* viết năm 1947 cũng như trong các bài nói chuyện khác, Người nghiêm khắc phê phán những hành vi mê tín, và những hành vi thô bạo trong việc xóa bỏ mê tín. Người khuyến cáo lấy cái tốt mà bỏ dần cái xấu, cái lạc hậu; “dần dần nói cho người ta hiểu, để người ta vui lòng làm, chứ không có quyền ép người ta”.

Có thể nói, Hồ Chí Minh luôn thể hiện tấm lòng chân tình đối với đồng bào tín đồ Phật giáo, không chỉ bằng lời nói mà cả việc làm cụ thể của mình. Sự quan tâm của Người rất thiết thực, cụ thể với mong muốn cho có được “phần xác no ấm, phần hồn thông dong”. Tư tưởng, quan niệm của Hồ Chí Minh về sự kết hợp giữa đức tin tôn giáo và lòng yêu nước đã động viên được lực lượng của hàng triệu đồng bào các tôn giáo ở Việt Nam trong sự nghiệp cứu nước và xây dựng đất nước.

3. Hồ Chí Minh - một tấm gương đạo đức mang dấu ấn Phật giáo

Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một biểu tượng nhân bản, nhân văn đặc sắc không chỉ của Việt Nam, mà còn của thế giới. Với nhân dân, Người được gọi bằng những đại từ tôn kính, thân thiết như:

19. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 290.

20. Thượng tọa Thích Viên Thành. *Bác Hồ với Chùa Hương và Chùa Thầy*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 3/1992, tr. 44.

21. Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo, Nội san số đặc biệt, Phân viện nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, số 1/1991, tr. 29.

22. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 315.

“Cụ Hồ”, “Bác Hồ”; với giới học giả và chính khách, Người được tôn vinh là một vĩ nhân, một danh nhân. Mọi cách biểu đạt trên đều đúng, vì bản chất của Hồ Chí Minh rất “người” với tất cả các đức tính nhân văn sâu sắc nhất của từ ấy. Trên tờ “Băng chứng Thiên chúa giáo” xuất bản tại Paris năm 1969, nhà báo Gioócgrì Môngtarông đã viết: “Hồ Chí Minh là hình ảnh của một lãnh tụ tỏ rõ tinh thần trước hết là đầy tớ của nhân dân... Cụ không phải là một nhà chỉ huy mà đứng ra là một con người đi thức tỉnh các tâm hồn”⁽²³⁾.

Suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn thể hiện phẩm chất của một *con người* giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục. Trong buổi tiếp phái đoàn Phật giáo Việt Nam vào thăm Người tại Phủ Chủ tịch, Hồ Chí Minh nói: “Tôi cũng học Phật và nhớ được một câu: “mình không vào địa ngục cứu chúng sinh thì ai vào?”. Sự thật, Người đã bước vào địa ngục trần gian thực hành hạnh Bồ tát giống như trước đây ngài Bồ tát Địa tạng đã từng phát nguyện: “Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ đề, Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật”. Lời đại nguyện của Hồ Chí Minh thể hiện mong ước của người: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁽²⁴⁾.

Đó cũng chính là lòng “từ bi” của Đức Phật dạy. Lòng từ bi đó thể hiện nhất quán trong con người, trong cuộc đời Hồ Chí Minh, từ lời nói đến việc làm, từ thuở bốn ba hải ngoại tìm đường cứu dân, cứu nước, đến khi Người đã trở thành Chủ tịch nước.

Tâm “từ bi” của Người còn thể hiện ở lòng trắc ẩn trước cảnh nghèo túng của nhân dân. Trong thư kêu gọi đồng bào toàn quốc cứu đói, năm 1945, Người viết: “Hỡi đồng bào yêu quý! Từ tháng Giêng đến tháng Bảy năm

nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói. Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ. Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo. Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói. Tôi xin thay mặt dân nghèo mà cảm ơn các đồng bào”⁽²⁵⁾.

Những lời kêu gọi “cứu khổ, cứu nạn” của Người cũng mang đậm tinh thần từ bi của nhà Phật vốn rất quen thuộc với nhân dân Việt Nam, nay được nghe thấy từ một vị lãnh tụ của Đảng, của một Chủ tịch nước.

Hàng năm, vào dịp lễ tạ ơn của nước Mỹ (Thanks giving) cuối tháng 11, Hồ Chí Minh chỉ thị cho các cán bộ quản giáo trại giam phải làm món gà tây cổ truyền đặc biệt cho các tù binh Mỹ. Thông qua những nghĩa cử cao đẹp, Người đã không phân biệt kẻ oán, người ân, bởi Người thấu hiểu đạo lí: oán thù không thể chấm dứt bằng oán thù, mà chỉ có thể chấm dứt bằng tình thương. Đó cũng là triết lí

23. Phùng Hữu Phú, Thích Minh Trí. *Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam (1945-1969)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 34.

24. *Hồ Chí Minh - Biên niên Tiểu sử*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 123.

25. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 31.

nhân sinh lấy ân trả oán của nhà Phật. Mọi lời nói, việc làm của Hồ Chí Minh đều toát lên quan điểm đạo đức nhân sinh của Người.

Tâm “từ bi” của Người là một tấm gương đạo đức nhân bản cao cả, tính nhân văn sâu sắc, có tình thương yêu bao la đối với tất cả mọi người, mọi dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân. Nhân đức cao cả ngời sáng ấy có nhiều điểm tương đồng với đức từ bi, hỉ xả, vô ngã vị tha, cứu khổ chúng sinh của Phật giáo, song đã được nâng lên trong thời đại mới, trong hiện thực cuộc sống trên thế gian này.

4- Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề tôn giáo nói chung, đối với Phật giáo nói riêng là sự kết tinh truyền thống dân tộc, nhất là tinh thần khoan dung tôn giáo với tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó có tinh thần từ bi, cứu khổ cứu nạn chúng sinh của Phật giáo được nâng lên trên tầm cao mới dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đó là tư

tưởng về đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc; về tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng như quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo; về đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo và bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan; là thái độ ứng xử khoan dung tôn giáo. Tư tưởng đó đã được Hồ Chí Minh và Đảng ta vận dụng một cách thành công trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tôn giáo cũng như đối với Phật giáo trong cách mạng Việt Nam. Hơn bao giờ hết, trong giai đoạn hiện nay, việc vận dụng những tư tưởng của Người nhằm phát huy những mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực trong các hoạt động của Phật giáo có một vai trò to lớn để giáo hội tiếp tục đường hướng hoạt động: “đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội” trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.